

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



Bài viết:

**“Tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin về tình hình xuất khẩu
mặt hàng rau quả của Việt Nam với thị trường CPTPP tháng 8/2026”**

**Thuộc nhiệm vụ: “Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ
triển khai Hiệp định CPTPP” năm 2026**

Hà Nội, năm 2026

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG CPTPP	5
1.1. Tổng quan hoạt động xuất khẩu rau quả với thị trường CPTPP	5
1.2. Về thị trường xuất khẩu rau quả với các nước thành viên CPTPP	6
1.3. Về chủng loại rau quả xuất khẩu với thị trường CPTPP	8
II. ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG, THỊ PHẦN VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM TẠI CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CPTPP	11
III. DỰ BÁO TRIỂN VỌNG	22

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang từng thị trường thành viên CPTPP trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026.....	7
Bảng 2: Chủng loại hàng rau quả của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường CPTPP trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026.....	10
Bảng 3: Nguồn cung rau quả và sản phẩm đã qua chế biến trong 6 tháng đầu năm 2026.....	12
Bảng 4: Nhập khẩu nhóm hàng có mã (HS 06, 07, 20, 08) của thị trường Nhật Bản từ các thị trường trong 6 tháng đầu năm 2026	16
Bảng 5: Nhập khẩu nhóm hàng có mã (HS 06, 07, 20, 08) của thị trường Australia từ các thị trường trong 6 tháng đầu năm 2026	19

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường CPTPP qua các tháng năm 2025-2026.....	6
---	---

Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang CPTPP	8
Biểu đồ 3: Cơ cấu chủng loại rau quả của Việt Nam xuất khẩu sang CPTPP	11
Biểu đồ 4: CPTPP nhập khẩu rau quả và sản phẩm chế biến năm 2025 – 2026..	Error!
Bookmark not defined.	

TÓM TẮT

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong tháng 8/2026 ước đạt 70 triệu USD, tăng 16,7% so với tháng 7/2026 nhưng giảm nhẹ 1,8% so với tháng 8/2025. Tính chung 8 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang CPTPP ước đạt 517 triệu USD, tăng hơn 12% so với cùng kỳ năm 2025. Kết quả này cho thấy xuất khẩu rau quả sang CPTPP vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng, mặc dù tốc độ tăng còn tương đối khiêm tốn.

Cơ cấu sản xuất giữa Việt Nam và các nước CPTPP có tính bổ trợ tương đối rõ nét, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại rau quả hai chiều. Việt Nam có lợi thế về các loại trái cây và nông sản nhiệt đới như chanh leo, xoài, thanh long, dưa, dưa, sầu riêng, bưởi và một số loại rau, củ, hạt. Trong khi đó, nhiều nước CPTPP có điều kiện khí hậu phù hợp với nhóm nông sản ôn đới và hàn đới như táo, lê, đào, cà rốt, bắp cải, hành... Do sự khác biệt về điều kiện tự nhiên và mùa vụ, nhu cầu nhập khẩu rau quả nhiệt đới của các thị trường CPTPP vẫn còn lớn, đặc biệt trong những thời điểm nguồn cung nội địa hạn chế hoặc trái vụ.

Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng các loại trái cây nhiệt đới, sản phẩm rau quả mới và thực phẩm có lợi cho sức khỏe tại các nước CPTPP có xu hướng gia tăng. Xu hướng này cùng với nhu cầu sử dụng nguyên liệu rau quả cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống và thực phẩm tiện lợi, được kỳ vọng tiếp tục hỗ trợ nhu cầu nhập khẩu trong thời gian tới.

CPTPP cũng là một trong những khu vực nhập khẩu rau, củ, quả và sản phẩm chế biến có quy mô lớn trên thế giới. Năm 2025, khu vực CPTPP chiếm khoảng 35,7% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của thế giới. Với dung lượng thị

trường lớn, CPTPP tiếp tục được đánh giá là thị trường xuất khẩu quan trọng đối với các nước có thế mạnh về sản xuất rau quả nhiệt đới, trong đó có Việt Nam.

Theo số liệu của ITC, 6 tháng đầu năm 2026, CPTPP nhập khẩu nhóm rau, củ, quả và sản phẩm chế biến (HS 06, 07, 20 và 08, không bao gồm hạt điều thuộc HS 080131 và 080132) từ thế giới đạt 27,19 tỷ USD, tăng khoảng 1,4% so với cùng kỳ năm 2025. Mức tăng này cho thấy nhu cầu nhập khẩu của khu vực tiếp tục mở rộng, mặc dù tốc độ tăng trưởng không cao.

Trong thời gian tới, xuất khẩu rau quả Việt Nam sang các thị trường thành viên CPTPP được dự báo tiếp tục có triển vọng tích cực, nhất là đối với các sản phẩm có lợi thế về mùa vụ và những mặt hàng mà nguồn cung nội địa tại các nước CPTPP còn hạn chế. Ngoài trái cây tươi, dư địa tăng trưởng còn nằm ở rau quả chế biến, nước ép, sản phẩm đông lạnh, sấy khô và các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Việc đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao tỷ trọng chế biến sẽ giúp doanh nghiệp giảm phụ thuộc vào xuất khẩu tươi, kéo dài thời gian bảo quản và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các hệ thống phân phối hiện đại.

Mặc dù vậy, để khai thác hiệu quả thị trường CPTPP, doanh nghiệp Việt Nam cần tiếp tục đáp ứng các yêu cầu cao về an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng và quy cách đóng gói. Đồng thời, cần chú trọng xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn, ổn định chất lượng và sản lượng, phát triển thương hiệu và tăng cường liên kết với các nhà nhập khẩu, hệ thống phân phối tại từng thị trường thành viên.

NỘI DUNG CHI TIẾT

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG CPTPP

Theo thống kê sơ bộ, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang nhóm thị trường thành viên CPTPP trong tháng 8/2026 ước đạt 70 triệu USD, tăng 16,7% so với tháng 7/2026 nhưng giảm 1,8% so với tháng 8/2025. Tính chung 8 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường CPTPP ước đạt 517 triệu USD, tăng hơn 12% so với cùng kỳ năm 2025.

1.1. Tổng quan hoạt động xuất khẩu rau quả với thị trường CPTPP

Theo thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong tháng 7/2026 đạt 60 triệu USD, giảm 8,5% so với tháng 6/2026 và giảm 5,9% so với tháng 7/2025. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang CPTPP đạt 446,9 triệu USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2025.

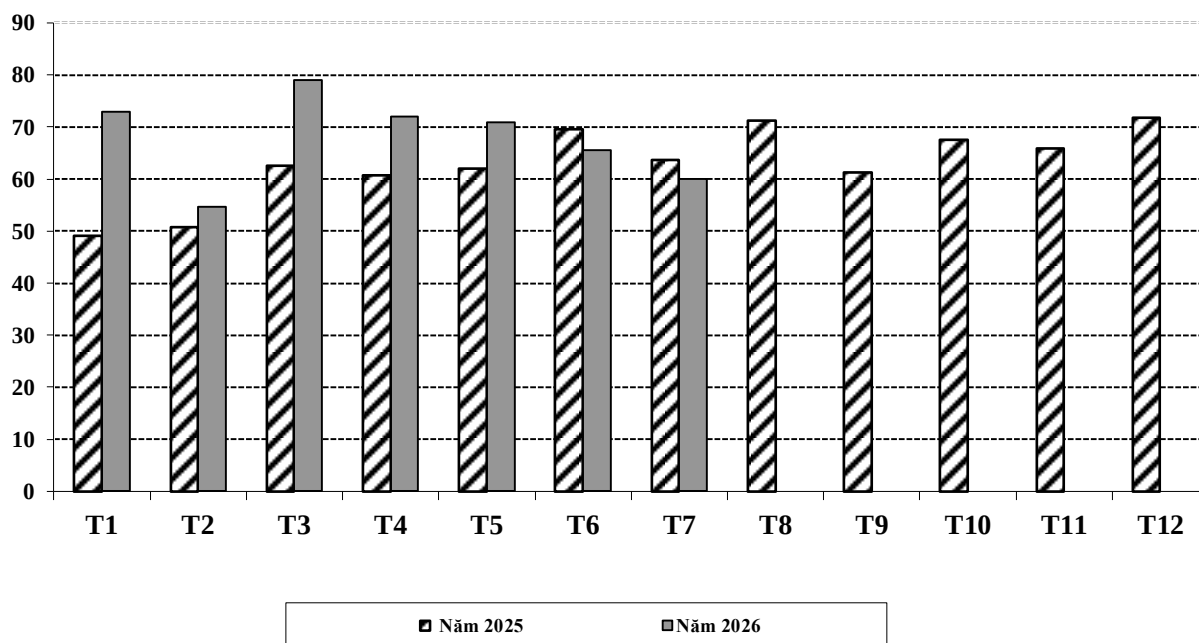
Trong 7 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu rau quả sang CPTPP chiếm khoảng 1,1% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. Mặc dù tỷ trọng còn khiêm tốn, tốc độ tăng trưởng 14,9% cho thấy CPTPP đang là một trong những khu vực có mức tăng trưởng xuất khẩu tích cực của ngành rau quả Việt Nam, qua đó đóng góp vào đà tăng trưởng chung của ngành.

Với kim ngạch đạt 446,9 triệu USD trong 7 tháng đầu năm 2026, CPTPP hiện là thị trường xuất khẩu rau quả lớn thứ ba của Việt Nam, sau Trung Quốc và ASEAN. Vị trí này cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của CPTPP đối với hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam, đồng thời phản ánh dư địa còn lớn để doanh nghiệp mở rộng thị phần tại các thị trường thành viên.

Tuy nhiên, diễn biến giảm kim ngạch trong tháng 7/2026 cho thấy xuất khẩu sang CPTPP vẫn chịu ảnh hưởng nhất định từ biến động nhu cầu, mùa vụ và các yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, kiểm dịch và an toàn thực phẩm. Do đó, bên cạnh việc duy trì các thị trường hiện có, doanh nghiệp cần tiếp tục đa dạng hóa chủng loại

sản phẩm, nâng cao chất lượng, tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến và tận dụng tốt hơn các ưu đãi thuế quan trong CPTPP để mở rộng thị phần trong thời gian tới.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường CPTPP qua các tháng trong năm 2025-2026 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.2. Về thị trường xuất khẩu rau quả với các nước thành viên CPTPP

Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong nhóm CPTPP hiện tập trung chủ yếu tại Nhật Bản, Australia, Malaysia, Canada, Anh, Singapore và một số thị trường khác. Đáng chú ý, trong 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang phần lớn các thị trường thành viên CPTPP ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, trong khi xuất khẩu sang Chilê và Peru giảm. Diễn biến này cho thấy nhu cầu tại khu vực CPTPP vẫn tương đối khả quan, song tốc độ tăng trưởng có sự phân hóa giữa các thị trường.

Nhật Bản tiếp tục là thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam trong thị trường CPTPP. Trong tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 21,08 triệu USD, giảm 19,9% so với tháng 6/2026 nhưng tăng 5,2% so với tháng 7/2025. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch đạt 147,5 triệu USD, tăng 4,0% so với cùng kỳ năm 2025. Mức tăng trưởng duy trì trong bối cảnh Nhật Bản là

thị trường có yêu cầu cao về chất lượng, an toàn thực phẩm và kiểm dịch cho thấy doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục duy trì được khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường này. Tuy nhiên, tốc độ tăng 4,0% cũng cho thấy dư địa mở rộng xuất khẩu vẫn còn lớn, đặc biệt đối với các sản phẩm có lợi thế của Việt Nam và nhóm hàng chế biến.

Australia là thị trường xuất khẩu rau quả lớn thứ hai của Việt Nam trong nhóm CPTPP. Tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu sang Australia đạt 11,5 triệu USD, tăng 8,3% so với tháng 6/2026 nhưng giảm 12,9% so với tháng 7/2025. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch đạt 82,8 triệu USD, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2025. Mặc dù xuất khẩu trong tháng 7 giảm so với cùng kỳ, kết quả lũy kế vẫn duy trì mức tăng khá, cho thấy Australia tiếp tục là thị trường quan trọng và có tiềm năng đối với ngành rau quả Việt Nam.

Bên cạnh hai thị trường chủ lực, xuất khẩu sang một số thị trường CPTPP khác ghi nhận mức tăng trưởng cao trong 7 tháng đầu năm 2026. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu sang Malaysia tăng 45,3%; Canada tăng 27,4%; Anh tăng 20,1%; New Zealand tăng 15,4%; Mêhicô tăng 28,9% so với cùng kỳ năm 2025. Mức tăng trưởng cao tại các thị trường này cho thấy nhu cầu đối với rau quả Việt Nam đang có xu hướng mở rộng, đồng thời phản ánh dư địa khai thác còn tương đối lớn.

Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường nói trên vẫn chưa tương xứng với quy mô nhu cầu và dung lượng nhập khẩu, đặc biệt so với Nhật Bản và Australia. Đây vừa là hạn chế, vừa là cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị phần trong thời gian tới. Việc các thị trường có mức tăng trưởng từ 15% đến trên 45% cho thấy khả năng mở rộng xuất khẩu là tương đối rõ nét nếu doanh nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng, truy xuất nguồn gốc, kiểm dịch thực vật và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

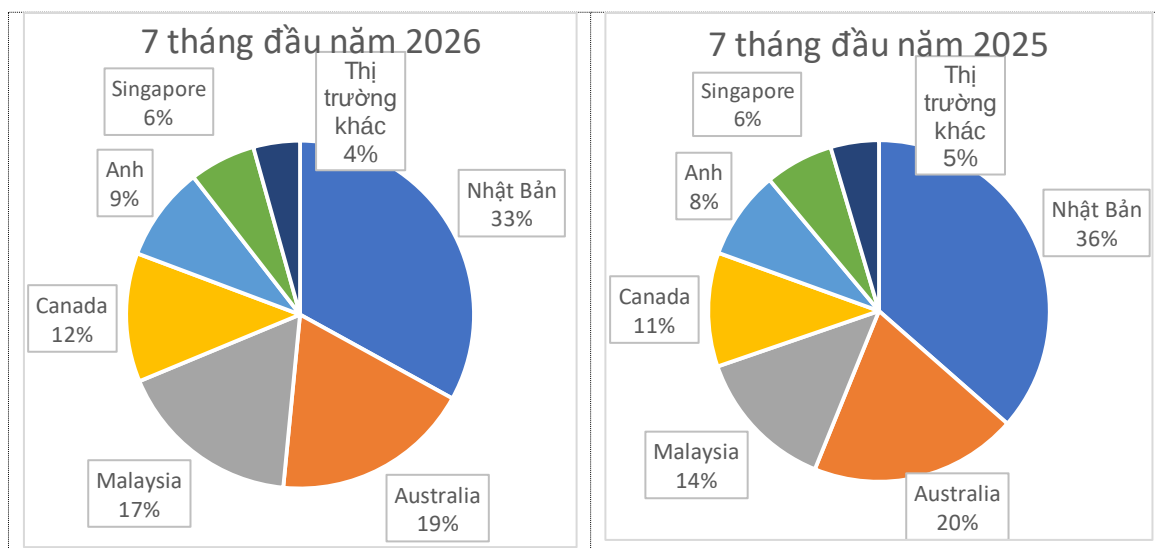
Bảng 1: Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang từng thị trường thành viên CPTPP trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng 2026 (Nghìn USD)	so với cùng kỳ năm ngoái (%)
------------	-----------------------------	----------------------------	----------------------------	-----------------------------	------------------------------------

Thị trường	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng 2026 (Nghìn USD)	so với cùng kỳ năm ngoái (%)
CPTPP	59.975.546	-8,5	-5,9	446.889.932	14,9
Nhật Bản	21.080.525	-19,9	5,2	147.516.579	4,0
Australia	11.539.968	8,3	-12,9	82.827.383	8,3
Malaysia	8.872.613	13,2	-6,8	76.862.041	45,3
Canada	7.470.910	4,8	5,4	53.520.998	27,4
Anh	4.333.561	-39,0	-29,3	39.240.269	20,1
Singapore	3.854.093	2,5	1,1	27.555.007	9,0
New Zealand	1.039.415	-22,4	-45,3	8.778.089	15,4
Mêhicô	1.263.415	25,9	17,0	7.781.436	28,9
Chilê	416.475	12,0	-50,6	2.223.463	-36,3
Brunei	62.971	13,7	37,7	456.390	26,9
Pêru	41.600		2.080,3	128.276	-58,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang CPTPP
(% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.3. Về chủng loại rau quả xuất khẩu với thị trường CPTPP

Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu rau quả sang CPTPP

Trong 7 tháng đầu năm 2026, các mặt hàng rau quả Việt Nam xuất khẩu chủ yếu sang CPTPP gồm dừa và sản phẩm từ dừa, xoài và sản phẩm từ xoài, hoa cúc, ớt, chuối, thanh long, các loại trái cây, khoai lang, hạnh nhân và cà tím. Trong đó, dừa, xoài và thanh long là những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đáng chú ý và ghi nhận tốc độ tăng trưởng khá tích cực.

+ Dừa và sản phẩm chế biến từ dừa tiếp tục là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang CPTPP. Trong tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu đạt 8,43 triệu USD, giảm 1,2% so với tháng 6/2026 và giảm 6,2% so với tháng 7/2025. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này sang thị trường CPTPP đạt hơn 56 triệu USD, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2025. Kết quả này cho thấy nhu cầu đối với dừa và các sản phẩm chế biến từ dừa của Việt Nam tại các thị trường thành viên CPTPP tiếp tục duy trì xu hướng tích cực, đồng thời cho thấy dư địa mở rộng xuất khẩu còn khá lớn.

+ Tiếp theo là mặt hàng xoài và sản phẩm chế biến từ xoài. Tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang CPTPP đạt 4,71 triệu USD, giảm 22,7% so với tháng 6/2026 và giảm 16,2% so với tháng 7/2025. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch đạt 50,26 triệu USD, tăng 41,4% so với cùng kỳ năm 2025. Mức tăng trưởng cao trong 7 tháng đầu năm cho thấy xoài đang ngày càng được thị trường CPTPP đón nhận, qua đó mở ra cơ hội gia tăng xuất khẩu đối với cả sản phẩm tươi và sản phẩm chế biến.

+ Đối với thanh long, trong 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường CPTPP đạt 24,99 triệu USD, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm 2025. Riêng tháng 7/2026, kim ngạch đạt 3,79 triệu USD, tăng 46,5% so với tháng 6/2026 và tăng 24,7% so với tháng 7/2025. Diễn biến này cho thấy xuất khẩu thanh long sang CPTPP đang có xu hướng cải thiện khá rõ, mặc dù doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với

những yêu cầu cao về kiểm dịch, an toàn thực phẩm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và chất lượng sản phẩm.

Như vậy, CPTPP mở ra cơ hội đáng kể cho ngành rau quả Việt Nam nhờ quy mô thị trường lớn, nhu cầu đa dạng và sự khác biệt về điều kiện sản xuất giữa các thành viên. Phần lớn các mặt hàng rau quả có thể mạnh của Việt Nam xuất khẩu sang CPTPP trong 7 tháng đầu năm 2026 đều ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Trong đó, dứa, xoài và thanh long là những nhóm hàng có mức tăng khá cao. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, chủng loại sản phẩm đa dạng và khả năng cung ứng quanh năm, Việt Nam còn nhiều dư địa để gia tăng xuất khẩu các mặt hàng như dứa, xoài, ổi, chuối, thanh long và các sản phẩm rau quả chế biến.

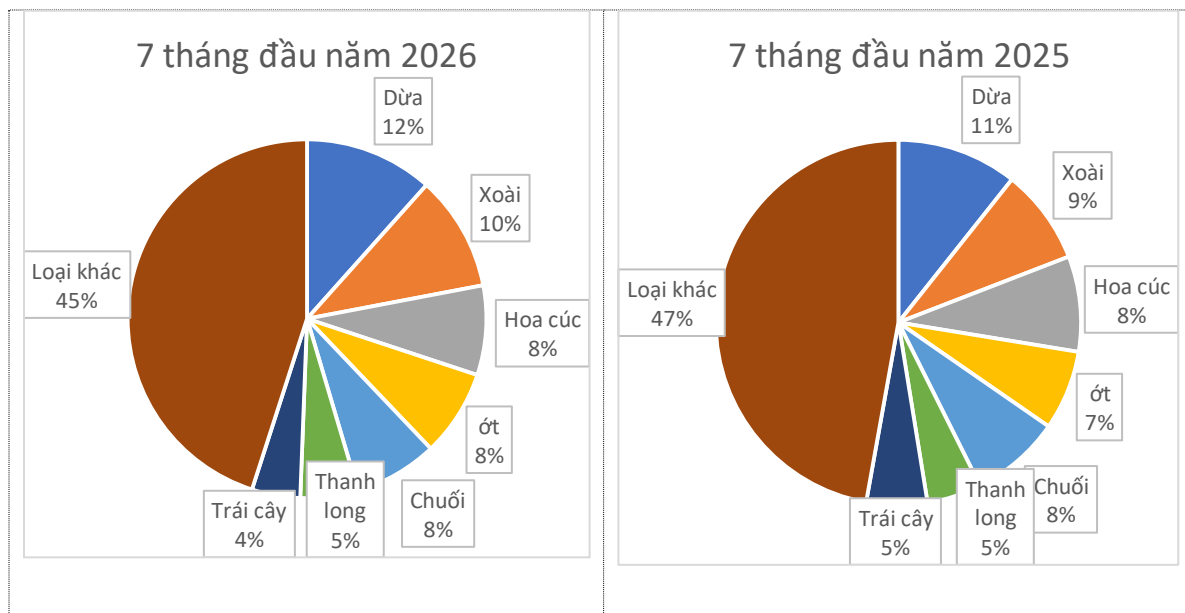
Bảng 2: Một số chủng loại hàng rau quả của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường CPTPP trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026

Chủng loại	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng 2026 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm ngoái (%)
Dứa	8.432	-1,2	-6,2	56.017	25,1
Xoài	4.713	-22,7	-16,2	50.261	41,4
Hoa cúc	8.465	101,1	9,8	39.018	10,3
ổi	4.127	-6,2	-18,0	37.383	26,4
Chuối	6.259	8,2	31,4	35.989	6,9
Thanh long	3.795	46,5	24,7	24.995	22,9
Trái cây	3.179	8,7	-6,3	21.120	-7,0
Khoai lang	2.920	-15,7	10,1	18.524	4,4
Hạnh nhân	1.098	-37,8	-58,7	15.086	-4,1
Cà tím	1.502	-36,2	-15,9	13.346	0,4
Chanh leo	1.709	-29,5	-4,1	12.408	43,4
Sầu riêng	1.979	-18,5	-22,6	11.468	-7,6
Dứa	1.404	11,0	-37,3	11.200	15,5
Hạt dẻ cười	1.295	12,8	-31,2	11.147	21,8
Chanh	1.278	8,0	-5,7	10.756	24,0
Khoai tây	883	-24,6	17,1	7.616	211,7
Macadamia	874	-7,3	-36,3	6.615	3,6
Rau củ	613	-39,3	-30,0	6.472	-8,8
Đậu bắp	1.302	25,2	7,6	6.333	-5,6
Vải	411	-72,9	-73,7	4.889	-26,4
Nhãn	575	-3,0	-22,3	4.498	9,9

Chủng loại	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng 2026 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm ngoái (%)
Ngô	487	-23,3	-4,8	4.495	-1,0
Loại khác	201	-82,8	-39,3	4.336	70,1
Đậu sốt cà chua	693	12,5	51,0	3.573	40,1
Mít	601	-4,7	-2,8	3.470	5,3
Hoa lan hồ điệp	506	22,6	18,5	3.230	-0,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Biểu đồ 3: Cơ cấu chủng loại rau quả của Việt Nam xuất khẩu sang CPTPP
(% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

II. ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG, THỊ PHẦN VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM TẠI CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CPTPP

Theo số liệu thống kê của ITC, trong 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu nhóm hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến (HS 06, 07, 20 và 08, không bao gồm hạt điều thuộc HS 080131 và 080132) của thế giới đạt 172,51 tỷ USD, giảm 12,41% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong số các thị trường thành viên CPTPP, Canada, Nhật Bản, Australia và Singapore đều nằm trong nhóm các thị trường nhập khẩu rau, củ, quả và sản phẩm chế biến lớn của thế giới trong 6 tháng đầu năm 2026. Đáng chú ý, Canada nhập khẩu 7,54 tỷ USD, tăng 4,30% so với cùng kỳ năm 2025; Nhật Bản đạt 5,27 tỷ USD, giảm 4,81%; Australia đạt 1,43 tỷ USD, tăng 14,61%; và Singapore đạt 1,03 tỷ USD, tăng 8,71%. Vương quốc Anh, thành viên CPTPP từ năm 2024, có quy mô nhập khẩu lớn, đạt 11,84 tỷ USD, tăng 5,63% so với cùng kỳ năm 2025.

Đối với Việt Nam, CPTPP tiếp tục là khu vực thị trường có nhiều tiềm năng để mở rộng xuất khẩu rau quả và sản phẩm chế biến, nhờ lợi thế từ các cam kết thương mại và nhu cầu tương đối ổn định tại nhiều thị trường thành viên. Trong đó, Canada và Nhật Bản là những thị trường cần tiếp tục ưu tiên do có quy mô nhập khẩu lớn; Australia và Singapore là các thị trường có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu khá, phù hợp với định hướng mở rộng thị trường và đa dạng hóa đầu ra. Riêng Anh cũng là thị trường đáng chú ý do quy mô nhập khẩu lớn và nhu cầu tăng trong 6 tháng đầu năm 2026.

Bảng 3: Nguồn cung rau quả và sản phẩm đã qua chế biến trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	172.517.426	-12,41	100,00	100,00
Mỹ	31.270.691	-5,33	18,13	16,77
Đức	21.632.154	10,86	12,54	9,91
Trung Quốc	13.798.964	4,50	8,00	6,70
Anh	11.836.764	5,63	6,86	5,69
Pháp	11.492.917	9,76	6,66	5,32
Canada	7.543.936	4,30	4,37	3,67
Hà Lan	7.019.352	-45,15	4,07	6,50
Tây Ban Nha	6.780.890	12,90	3,93	3,05

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Nhật Bản	5.269.813	-4,81	3,05	2,81
Ấn Độ	4.842.170	-0,84	2,81	2,48
Việt Nam	3.704.537	19,39	2,15	1,58
Italy	2.947.000	-49,98	1,71	2,99
Thụy Sĩ	2.613.260	12,30	1,51	1,18
Bỉ	2.553.151	-54,11	1,48	2,82
Ba Lan	2.480.111	-42,85	1,44	2,20
Hàn Quốc	2.432.826	-4,63	1,41	1,30
Thổ Nhĩ Kỳ	2.106.900	13,72	1,22	0,94
Hồng Kông	2.045.697	-18,10	1,19	1,27
Cộng Hoà Séc	1.987.877	10,35	1,15	0,91
Indônêxia	1.784.452	23,95	1,03	0,73
Bồ Đào Nha	1.782.585	9,40	1,03	0,83
Thái Lan	1.478.113	-22,13	0,86	0,96
Australia	1.434.391	14,61	0,83	0,64
Áo	1.423.646	-46,73	0,83	1,36
Na Uy	1.256.137	8,29	0,73	0,59
Braxin	1.237.036	3,54	0,72	0,61
Ai Len	1.222.415	2,08	0,71	0,61
Rumani	1.104.329	-40,76	0,64	0,95
Thụy Điển	1.078.715	-45,57	0,63	1,01
Singapore	1.029.748	8,71	0,60	0,48
Thị trường khác	13.326.849	-48,56	7,72	13,15

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

() Ghi chú: HS 06 Cây sống và cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cắt hoa và lá trang trí; HS 07 Rau ăn được và một số loại củ; HS 08 Quả và hạt ăn được; vỏ trái cây họ cam quýt hoặc dưa (không bao gồm hạt điều có mã HS 080131,*

080132); HS 20 Chế phẩm từ rau, trái cây, quả hạch hoặc các bộ phận khác của thực vật.

****Thị trường Nhật Bản***

Nhật Bản tiếp tục là một trong những thị trường có nhu cầu lớn đối với rau, củ, quả và sản phẩm chế biến trong khu vực CPTPP, đồng thời là thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam trong khối. Nhu cầu nhập khẩu của Nhật Bản được hỗ trợ bởi nguồn cung nông sản trong nước hạn chế, đặc điểm dân số và xu hướng tiêu dùng ngày càng quan tâm đến thực phẩm có chất lượng, an toàn và giá trị dinh dưỡng.

Theo số liệu của JETRO, năm 2025, nhập khẩu nông, lâm, thủy sản và thực phẩm của Nhật Bản đạt 13.814,3 tỷ yên, tăng 3,0% so với năm 2024 và là mức cao nhất kể từ khi có số liệu thống kê năm 2006. Đáng chú ý, nhập khẩu nhóm trái cây tươi và khô đạt 472,2 tỷ yên, tăng 9,3%, cho thấy nhu cầu đối với nhóm hàng này vẫn duy trì xu hướng tích cực.

Đối với rau quả, Nhật Bản có nhu cầu nhập khẩu đa dạng, từ trái cây tươi như chuối, bưởi, dứa đến các sản phẩm chế biến như trái cây đông lạnh, mứt, thạch và nước ép. Các sản phẩm chế biến ngày càng có vai trò quan trọng do phù hợp với nhu cầu tiêu dùng tiện lợi và xu hướng quan tâm đến sức khỏe. JETRO cũng ghi nhận một số sản phẩm chế biến từ trái cây được phát triển theo hướng bổ sung chất xơ, collagen và các thành phần đáp ứng nhu cầu về sức khỏe, sắc đẹp.

Tình hình nhập khẩu nhóm hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến (HS 06, 07, 20, 08 – không bao gồm hạt điều HS 080131, 080132)

Theo thống kê của ITC, trong 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu nhóm hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến (HS 06, 07, 20 và 08, không bao gồm hạt điều thuộc HS 080131 và 080132) của Nhật Bản đạt 5,26 tỷ USD, giảm 4,8% so với cùng kỳ năm 2025.

Trung Quốc là nguồn cung lớn nhất nhóm hàng này cho thị trường Nhật Bản, chiếm 30,85% tổng kim ngạch nhập khẩu. Tiếp theo là Mỹ, Philipine, New Zealand, Việt Nam, Thái Lan và một số thị trường khác. Đáng chú ý, trong bối cảnh tổng nhập

khẩu nhóm hàng này của Nhật Bản giảm nhẹ, nhập khẩu từ Việt Nam vẫn tăng trưởng, cho thấy khả năng duy trì và mở rộng thị phần của hàng rau, củ, quả Việt Nam tại thị trường này.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Nhật Bản nhập khẩu nhóm hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến từ Việt Nam đạt 183,5 triệu USD, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 3,5% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của Nhật Bản. Mức tăng trưởng của Việt Nam cao hơn đáng kể so với xu hướng chung của thị trường, qua đó cho thấy vị thế của Việt Nam trong nhóm các nguồn cung chủ lực cho thị trường Nhật Bản tiếp tục được duy trì.

Nhật Bản là thị trường có nhu cầu đa dạng đối với rau, củ, quả và sản phẩm chế biến, trong khi điều kiện sản xuất trong nước hạn chế đối với nhiều loại trái cây nhiệt đới. Đây là cơ hội đối với Việt Nam, đặc biệt với các sản phẩm có lợi thế như dưa, xoài, thanh long, chuối, dứa, chanh leo và các sản phẩm chế biến từ trái cây. Việc đa dạng hóa từ sản phẩm tươi sang đông lạnh, sấy, nước ép, nước cô đặc và các sản phẩm chế biến sâu có thể giúp doanh nghiệp Việt Nam mở rộng danh mục hàng hóa, kéo dài thời hạn bảo quản và nâng cao giá trị xuất khẩu.

Tuy nhiên, Nhật Bản là thị trường có yêu cầu cao về kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Đối với trái cây và rau quả nhập khẩu, tùy từng mặt hàng và xuất xứ, doanh nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về kiểm dịch thực vật, hồ sơ và chứng nhận liên quan. Đồng thời, sản phẩm phải tuân thủ các quy định về giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và an toàn thực phẩm của Nhật Bản. Đây là những yêu cầu có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ, nhưng đồng thời cũng tạo động lực để doanh nghiệp nâng cao chất lượng và chuẩn hóa quy trình sản xuất.

Do đó, quy mô thị trường lớn và vị thế của Việt Nam trong nhóm nguồn cung chủ lực vừa tạo cơ hội, vừa đặt ra yêu cầu cao đối với doanh nghiệp. Trong thời gian tới, dư địa tăng xuất khẩu rau quả sang Nhật Bản vẫn còn, nhất là đối với các sản phẩm nhiệt đới và sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao. Tuy nhiên, để tận dụng tốt cơ hội, doanh nghiệp cần kiểm soát chất lượng ngay từ vùng trồng, tăng cường truy xuất nguồn gốc, tuân thủ nghiêm các yêu cầu kiểm dịch và an toàn thực phẩm, đồng thời bảo đảm tính ổn định về chất lượng và sản lượng.

Nhìn chung, Nhật Bản tiếp tục là thị trường trọng điểm và có tính ổn định cao đối với rau quả Việt Nam trong CPTPP. Việc nhập khẩu từ Việt Nam tăng 3,9% trong khi tổng nhập khẩu của Nhật Bản giảm 4,8% là tín hiệu tích cực, cho thấy Việt Nam đang có khả năng cải thiện vị thế cạnh tranh ngay cả khi nhu cầu chung của thị trường không tăng mạnh. Trong thời gian tới, việc khai thác sâu hơn nhóm trái cây nhiệt đới, sản phẩm chế biến và các phân khúc có giá trị gia tăng cao sẽ là hướng quan trọng để nâng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này.

Bảng 4: Nhập khẩu nhóm hàng có mã (HS 06, 07, 20, 08) của thị trường Nhật Bản từ các thị trường trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	5.269.809	-4,81	100,00	100,00
Trung Quốc	1.625.750	-3,25	30,85	30,35
Mỹ	862.516	-7,46	16,37	16,84
Philippine	467.598	-5,63	8,87	8,95
New Zealand	297.571	-0,61	5,65	5,41
Việt Nam	183.568	3,91	3,48	3,19
Thái Lan	160.092	-3,97	3,04	3,01
Mêhicô	152.157	-11,75	2,89	3,11
Hàn Quốc	128.913	1,22	2,45	2,30
Italy	123.875	6,54	2,35	2,10
Canada	104.049	21,38	1,97	1,55
Đài Loan	96.024	-9,88	1,82	1,92
Australia	92.152	24,26	1,75	1,34
Êcuado	89.450	-1,16	1,70	1,63
Chilê	85.677	-22,58	1,63	2,00
Pêru	65.409	-5,30	1,24	1,25
Braxin	63.481	-35,03	1,20	1,76
Thổ Nhĩ Kỳ	62.766	-21,08	1,19	1,44
Ấn Độ	49.598	4,11	0,94	0,86
Hà Lan	48.751	-13,64	0,93	1,02

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tây Ban Nha	44.290	-9,50	0,84	0,88
Thị trường khác	466.122	-7,24	8,85	9,08

Nguồn: Theo thống kê của ITC

***Thị trường Australia**

Nhu cầu đối với rau, củ, quả tại Australia được hỗ trợ bởi quy mô dân số, mức sống tương đối cao và xu hướng tiêu dùng thực phẩm chất lượng, an toàn, tiện lợi. Bên cạnh sản phẩm tươi, nhu cầu đối với các sản phẩm đông lạnh, sấy khô, nước ép và các sản phẩm chế biến cũng tạo thêm cơ hội cho các nhà cung cấp nước ngoài. Tuy nhiên, Australia có ngành sản xuất rau quả phát triển và khả năng tự cung tương đối cao, do đó cạnh tranh trên thị trường khá lớn. Australia đồng thời cũng là nước xuất khẩu nông sản lớn; năm 2024-25, giá trị xuất khẩu nông sản của nước này đạt 75,8 tỷ AUD, trong đó nhóm sản phẩm rau quả đạt khoảng 4,2 tỷ AUD.

Tình hình nhập khẩu nhóm hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến (HS 06, 07, 20, 08 – không bao gồm hạt điều HS 080131, 080132)

Theo thống kê của ITC, trong 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu nhóm hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến (HS 06, 07, 20 và 08, không bao gồm hạt điều thuộc HS 080131 và 080132) của Australia đạt 1,43 tỷ USD, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2025. Trung Quốc, New Zealand và Việt Nam là ba nguồn cung lớn nhất cho thị trường Australia, chiếm 34,9% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này. Tiếp theo là Mỹ, Italy, Bỉ và một số thị trường khác.

Trong đó, Việt Nam là nguồn cung lớn thứ ba nhóm hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến cho Australia. Trong 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch Australia nhập khẩu nhóm hàng này từ Việt Nam đạt 143,4 triệu USD, tăng 25,3% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 10% tổng kim ngạch nhập khẩu của Australia. Tốc độ tăng trưởng cao hơn mức tăng chung của thị trường cho thấy nhu cầu của Australia đối với rau,

củ, quả và sản phẩm chế biến từ Việt Nam đang tăng nhanh, qua đó củng cố vị thế của Việt Nam trong nhóm các nguồn cung chủ lực của thị trường này.

Đối với Việt Nam, lợi thế tại Australia tập trung ở các sản phẩm nhiệt đới và những mặt hàng Australia khó chủ động nguồn cung quanh năm do điều kiện tự nhiên và yếu tố mùa vụ. Các sản phẩm như dưa, xoài, thanh long, chanh leo, chuối, dứa và một số sản phẩm chế biến có tiềm năng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Đặc biệt, việc phát triển các sản phẩm đông lạnh, sấy khô, nước ép, nước cô đặc và các sản phẩm chế biến sâu có thể giúp doanh nghiệp kéo dài thời hạn bảo quản, giảm tổn thất sau thu hoạch và hạn chế tác động của thời gian vận chuyển, qua đó nâng cao khả năng cạnh tranh.

Tuy nhiên, Australia là một trong những thị trường có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn sinh học và kiểm dịch đối với nông sản nhập khẩu. Đối với rau quả tươi, sản phẩm phải thuộc nhóm được phép nhập khẩu và đáp ứng các điều kiện cụ thể theo hệ thống BICON. Tùy từng loại sản phẩm và xuất xứ, Australia có thể yêu cầu giấy phép nhập khẩu, xử lý kiểm dịch trước khi xuất khẩu, kiểm tra khi nhập khẩu và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Đây là những yêu cầu doanh nghiệp cần chủ động chuẩn bị ngay từ khâu sản xuất và vùng nguyên liệu.

Đáng chú ý, Australia đang từng bước mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường đối với một số loại rau quả của Việt Nam. Trong tháng 4/2026, Australia công bố điều kiện nhập khẩu đối với bưởi tươi từ Việt Nam. Theo các điều kiện được công bố, bưởi phải được sản xuất tại các vùng trồng và cơ sở đóng gói được phê duyệt, đăng ký; thực hiện biện pháp xử lý phù hợp trước khi xuất khẩu và được cơ quan kiểm dịch thực vật của Việt Nam kiểm tra, cấp chứng nhận đáp ứng yêu cầu của Australia.

Việc mở rộng danh mục sản phẩm được tiếp cận thị trường Australia là tín hiệu tích cực đối với ngành rau quả Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam đang tăng nhanh hơn tốc độ nhập khẩu chung của Australia. Đây là cơ sở để doanh nghiệp tiếp tục khai thác các sản phẩm nhiệt đới có lợi thế, đồng thời tìm kiếm cơ hội mở cửa thị trường cho những sản phẩm mới.

Tuy nhiên, để tận dụng hiệu quả cơ hội này, doanh nghiệp cần tập trung xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn, kiểm soát sâu bệnh và dư lượng thuốc bảo vệ thực

vật, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, duy trì chất lượng đồng đều và tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về xử lý kiểm dịch. Đồng thời, cần tăng cường đầu tư vào công nghệ bảo quản và chế biến nhằm giảm chi phí logistics, kéo dài thời gian bảo quản và nâng cao giá trị gia tăng.

Nhìn chung, Australia là một trong những thị trường có triển vọng tốt đối với rau quả Việt Nam. Với kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam tăng 25,3% trong 6 tháng đầu năm 2026 và thị phần đạt 10%, Việt Nam đang có vị thế khá thuận lợi để tiếp tục mở rộng xuất khẩu. Trong thời gian tới, việc đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng các mặt hàng đã được phép nhập khẩu và nâng cao năng lực đáp ứng tiêu chuẩn an toàn sinh học sẽ là những yếu tố then chốt giúp Việt Nam duy trì đà tăng trưởng và gia tăng thị phần tại Australia.

Bảng 5: Nhập khẩu nhóm hàng có mã (HS 06, 07, 20, 08) của thị trường Australia từ các thị trường trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	1.434.399	14,61	100,00	100,00
Trung Quốc	199.068	1,08	13,88	15,74
New Zealand	158.559	12,46	11,05	11,27
Việt Nam	143.447	25,29	10,00	9,15
Mỹ	133.915	16,24	9,34	9,20
Italy	108.445	26,36	7,56	6,86
Bỉ	89.669	53,94	6,25	4,65
Thái Lan	72.493	25,60	5,05	4,61
Thổ Nhĩ Kỳ	54.895	-7,65	3,83	4,75
Chile	52.220	21,91	3,64	3,42
Ấn Độ	41.114	33,86	2,87	2,45
Hà Lan	37.166	22,24	2,59	2,43
Tây Ban Nha	24.895	14,61	1,74	1,74
Philippine	23.884	4,49	1,67	1,83

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Mêhicô	22.419	-0,96	1,56	1,81
Hy Lạp	22.043	21,87	1,54	1,45
Hàn Quốc	18.435	-5,57	1,29	1,56
Pháp	17.995	28,01	1,25	1,12
Malaysia	16.355	43,68	1,14	0,91
Braxin	15.997	16,72	1,12	1,10
Canada	15.941	10,41	1,11	1,15
Thị trường khác	165.444	3,21	11,53	12,81

Nguồn: Theo thống kê của ITC

*** So sánh năng lực cung ứng trong khối:**

Trong CPTPP, năng lực cung ứng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến có sự phân hóa khá rõ giữa các thành viên. New Zealand, Australia, Canada, Nhật Bản, Mêhicô và Việt Nam là những nguồn cung đáng chú ý, nhưng mỗi nước có lợi thế về nhóm sản phẩm và thị trường khác nhau. New Zealand đặc biệt nổi bật về trái cây ôn đới và các sản phẩm xuất khẩu quy mô lớn như kiwi, táo; giá trị xuất khẩu ngành làm vườn của nước này được dự báo đạt khoảng 9,2 tỷ NZD trong năm kết thúc tháng 6/2026, trong đó kiwi chiếm tỷ trọng lớn.

New Zealand có lợi thế rõ rệt về sản phẩm trái cây ôn đới và năng lực sản xuất hướng xuất khẩu. Kiwi, táo, lê và một số loại rau củ là những sản phẩm có thương hiệu và hệ thống phân phối quốc tế tương đối hoàn thiện. CPTPP tiếp tục củng cố lợi thế này khi toàn bộ thuế đối với kiwi của New Zealand được xóa bỏ ngay khi hiệp định có hiệu lực, trong khi thuế đối với táo vào Nhật Bản được cắt giảm dần.

Australia cũng có năng lực cung ứng nông sản lớn, với ngành sản xuất đa dạng và định hướng xuất khẩu cao. Năm 2024-2025, giá trị xuất khẩu nông sản của Australia đạt 75,8 tỷ AUD, trong đó nhóm sản phẩm làm vườn đạt khoảng 4,19 tỷ

AUD. Tuy nhiên, lợi thế của Australia trong CPTPP không chỉ nằm ở rau quả mà còn tập trung mạnh vào các sản phẩm nông nghiệp khác như thịt, lúa mì, cải dầu và sữa.

Canada có lợi thế về các sản phẩm nông nghiệp ôn đới và nguyên liệu phục vụ công nghiệp thực phẩm, trong khi khả năng sản xuất nhiều loại rau quả nhiệt đới bị hạn chế bởi điều kiện khí hậu. Vì vậy, Canada vừa là nhà sản xuất, vừa có nhu cầu nhập khẩu đáng kể đối với rau quả từ các khu vực có lợi thế khí hậu. CPTPP tạo điều kiện để Canada mở rộng xuất khẩu nông sản sang các thị trường thành viên, đồng thời thúc đẩy thương mại hai chiều trong lĩnh vực nông sản và thực phẩm chế biến.

Nhật Bản có năng lực sản xuất nông nghiệp cao nhưng nguồn cung trong nước không đáp ứng đầy đủ nhu cầu, đặc biệt đối với các sản phẩm nhiệt đới. Do đó, Nhật Bản là thị trường nhập khẩu quan trọng trong thị trường CPTPP. Đây cũng là thị trường mà các nhà cung cấp như New Zealand, Việt Nam, Australia, Canada và Mêhicô cạnh tranh để mở rộng thị phần.

Trong khi đó, Việt Nam có lợi thế khác biệt về các sản phẩm nhiệt đới, đặc biệt là dừa, xoài, thanh long, chuối, dưa, chanh leo, ớt và một số loại rau quả chế biến. Đây là nhóm sản phẩm mà nhiều thành viên CPTPP có hạn chế về điều kiện khí hậu hoặc mùa vụ. Kết quả 6 tháng đầu năm 2026 cho thấy lợi thế này đang được chuyển hóa thành tăng trưởng xuất khẩu: nhập khẩu nhóm rau, củ, quả và sản phẩm chế biến từ Việt Nam đạt 3,7 tỷ USD, tăng 19,4%, cao hơn đáng kể mức tăng nhập khẩu chung.

Nhìn chung, Việt Nam không phải là nguồn cung có lợi thế tuyệt đối về mọi nhóm sản phẩm trong CPTPP, nhưng có lợi thế tương đối rõ đối với rau quả nhiệt đới và sản phẩm chế biến. Đây là điểm khác biệt quan trọng so với New Zealand và Canada, vốn mạnh hơn về sản phẩm ôn đới, hay Australia với cơ cấu nông sản xuất khẩu đa dạng.

Đặc biệt, CPTPP tạo điều kiện để các thành viên mở rộng thương mại nội khối. New Zealand cho biết toàn bộ thuế đối với xuất khẩu rau quả của nước này trong CPTPP được loại bỏ, trong khi Canada cũng được hưởng ưu đãi tiếp cận thị trường đối với nhiều sản phẩm rau quả và thực phẩm chế biến. Vì vậy, lợi thế cạnh tranh của Việt Nam không nên chỉ dựa vào ưu đãi thuế quan, mà cần chuyển sang cạnh tranh về

chủng loại sản phẩm, chất lượng, tính ổn định của nguồn cung, khả năng đáp ứng tiêu chuẩn và năng lực chế biến.

Từ góc độ triển vọng, Việt Nam có cơ hội tốt để mở rộng thị phần nếu tập trung vào những phân khúc mà các thành viên CPTPP khác không có lợi thế rõ rệt, nhất là trái cây nhiệt đới, sản phẩm trái vụ và rau quả chế biến. Đồng thời, việc nâng cao tiêu chuẩn vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, kiểm soát dư lượng và đầu tư vào bảo quản sau thu hoạch sẽ giúp Việt Nam cạnh tranh hiệu quả hơn với các nhà cung cấp có hệ thống sản xuất và thương hiệu đã phát triển như New Zealand và Australia.

III. DỰ BÁO TRIỂN VỌNG

Triển vọng xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong thời gian tới được đánh giá tích cực nhờ dung lượng thị trường lớn, nhu cầu tiêu dùng ngày càng đa dạng và xu hướng gia tăng sử dụng thực phẩm có lợi cho sức khỏe. Trong 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu nhóm hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của thế giới đạt 172,51 tỷ USD, giảm 12,41% so với cùng kỳ năm 2025, trong khi nhập khẩu từ Việt Nam đạt 3,7 tỷ USD, tăng 19,4%. Diễn biến này cho thấy hàng rau quả Việt Nam đang có khả năng mở rộng thị phần ngay cả trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu chung suy giảm.

Trong năm 2026, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang CPTPP dự kiến tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, với Nhật Bản, Australia và Canada là những thị trường trọng điểm. Đây là các thị trường có sức mua lớn, nhu cầu nhập khẩu tương đối ổn định và đã hình thành hệ thống phân phối đối với sản phẩm Việt Nam. Bên cạnh đó, các thị trường có tốc độ tăng trưởng cao nhưng kim ngạch còn khiêm tốn như Malaysia, Mêhicô và New Zealand được kỳ vọng trở thành động lực tăng trưởng mới nếu doanh nghiệp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng mạng lưới phân phối và phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu từng thị trường.

Nhóm trái cây nhiệt đới tiếp tục là lợi thế cạnh tranh quan trọng của Việt Nam. Các sản phẩm như dưa, xoài, thanh long, dưa, chuối, chanh leo và ổi có lợi thế về điều kiện khí hậu, sản lượng và khả năng cung ứng tương đối quanh năm. Trong 7 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu dưa và sản phẩm chế biến từ dưa sang CPTPP tăng 25,1%; xoài và sản phẩm chế biến từ xoài tăng 41,4%; thanh long và sản phẩm chế

biến tăng 22,9%. Kết quả này cho thấy nhu cầu đối với nhóm sản phẩm nhiệt đới của Việt Nam tại CPTPP vẫn khá tích cực và có thể tiếp tục đóng góp vào tăng trưởng xuất khẩu trong những tháng cuối năm.

Bên cạnh sản phẩm tươi, rau quả chế biến được dự báo có triển vọng tăng trưởng tốt trong thời gian tới. Nhu cầu tại CPTPP không chỉ phục vụ tiêu dùng trực tiếp mà còn phục vụ ngành công nghiệp chế biến thực phẩm. Các sản phẩm như nước ép, nước cô đặc, trái cây đông lạnh, sấy khô, đóng hộp và các sản phẩm chế biến sâu có lợi thế về thời gian bảo quản, thuận tiện trong vận chuyển và phù hợp với xu hướng tiêu dùng tiện lợi. Việc tăng tỷ trọng các sản phẩm này cũng giúp doanh nghiệp nâng cao giá trị gia tăng, giảm áp lực về logistics và hạn chế rủi ro đối với xuất khẩu trái cây tươi.

CPTPP tiếp tục tạo lợi thế về thuế quan cho hàng rau quả Việt Nam; tuy nhiên, khả năng mở rộng thị phần sẽ ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật và mức độ ổn định của nguồn cung. Nhật Bản, Australia và Canada đều có yêu cầu tương đối cao về an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm. Do đó, để duy trì tốc độ tăng trưởng, doanh nghiệp cần chuyển từ phương thức xuất khẩu chủ yếu dựa vào lợi thế sản lượng sang sản xuất theo tiêu chuẩn, theo đơn hàng và theo yêu cầu cụ thể của từng thị trường.

Chi phí logistics và thời gian vận chuyển tiếp tục là một trong những yếu tố có thể ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của hàng rau quả Việt Nam, đặc biệt đối với sản phẩm tươi. Chi phí vận tải cao hoặc thời gian vận chuyển kéo dài có thể làm giảm lợi thế về giá và chất lượng của sản phẩm so với các nguồn cung có vị trí địa lý gần thị trường nhập khẩu. Vì vậy, đầu tư vào công nghệ bảo quản sau thu hoạch, xử lý chiếu xạ, cấp đông, đóng gói và chế biến sẽ có vai trò ngày càng quan trọng trong việc duy trì chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường.

Bên cạnh đó, cạnh tranh trong nội thị trường CPTPP sẽ tiếp tục gia tăng. Việt Nam phải cạnh tranh với Australia và New Zealand ở phân khúc sản phẩm chất lượng cao, đồng thời cạnh tranh với Mêhicô và một số nước cung ứng khác tại nhóm sản phẩm nhiệt đới và cận nhiệt đới. Tuy nhiên, cơ cấu sản phẩm của Việt Nam có tính

bổ trợ tương đối rõ với nhiều thành viên CPTPP, đặc biệt ở nhóm trái cây nhiệt đới mà các nước có khí hậu ôn đới khó chủ động nguồn cung quanh năm. Đây là lợi thế giúp Việt Nam có thể tập trung vào những phân khúc có nhu cầu cao và hạn chế cạnh tranh trực diện với các nhà cung cấp có lợi thế khác biệt.

Triển vọng đến cuối năm 2026 và thời gian tới

Nhìn chung, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang CPTPP được dự báo tiếp tục tăng trưởng trong năm 2026, với động lực chính đến từ nhu cầu tương đối ổn định tại Nhật Bản, Australia và Canada, cùng khả năng mở rộng thị trường tại các nước có kim ngạch còn thấp. Trong 7 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu đạt 446,9 triệu USD, tăng 14,9%; tháng 8/2026 ước đạt khoảng 70 triệu USD. Với đà tăng trưởng này, khả năng duy trì mức tăng trưởng hai con số trong cả năm 2026 là tương đối khả thi, mặc dù kết quả thực tế vẫn phụ thuộc vào diễn biến logistics quốc tế, thời tiết, nguồn cung trong nước và các yêu cầu kỹ thuật tại từng thị trường.

Về dài hạn, dư địa tăng trưởng của rau quả Việt Nam tại CPTPP còn lớn. Trong 6 tháng đầu năm 2026, thị phần của Việt Nam trong tổng nhập khẩu nhóm hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến của CPTPP mới đạt khoảng 1,53%, trong khi kim ngạch nhập khẩu của khối đạt hơn 27 tỷ USD. Tỷ trọng này cho thấy Việt Nam mới khai thác một phần tương đối nhỏ dung lượng thị trường, đặc biệt tại các thị trường có sức mua lớn nhưng mức độ hiện diện của hàng Việt Nam chưa cao.

Để chuyển tiềm năng thị trường thành tăng trưởng xuất khẩu thực tế, ngành rau quả cần tập trung vào ba hướng chính: **(1)** củng cố và mở rộng thị phần tại các thị trường trọng điểm như Nhật Bản, Australia và Canada; **(2)** đẩy mạnh khai thác các thị trường có tốc độ tăng trưởng cao như Malaysia, Mêhicô và New Zealand; và **(3)** chuyển dịch mạnh sang các sản phẩm chế biến, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đồng thời nâng cao chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc và năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật.

Có thể đánh giá rằng CPTPP sẽ tiếp tục là một trong những khu vực thị trường có triển vọng tốt đối với ngành rau quả Việt Nam trong giai đoạn 2026–2030. Lợi thế về các sản phẩm nhiệt đới, nguồn cung tương đối đa dạng, ưu đãi thuế quan từ CPTPP và dung lượng nhập khẩu lớn tạo nền tảng thuận lợi để Việt Nam tiếp tục gia

tăng thị phần. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng thực tế sẽ phụ thuộc đáng kể vào khả năng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, kiểm soát dư lượng, bảo đảm nguồn cung ổn định, giảm chi phí logistics và nâng cao tỷ trọng chế biến sâu. Đây sẽ là những yếu tố quyết định khả năng chuyển từ tăng trưởng kim ngạch sang tăng trưởng bền vững và nâng cao vị thế của rau quả Việt Nam trong chuỗi cung ứng của CPTPP.

Thách thức đối với xuất khẩu thanh long

Mặc dù xuất khẩu thanh long sang CPTPP đạt mức tăng trưởng tích cực, đây vẫn là mặt hàng phải đối mặt với nhiều yêu cầu khắt khe tại các thị trường thành viên. CPTPP không áp dụng một bộ tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất cho toàn khối, mà mỗi thị trường thành viên có hệ thống quy định riêng về kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận chất lượng. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu thanh long phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể của từng thị trường.

Đối với thanh long tươi, thời gian vận chuyển và thủ tục kiểm tra là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và chi phí xuất khẩu. Nếu vận chuyển bằng đường biển, thời gian vận chuyển kéo dài có thể làm gia tăng rủi ro suy giảm chất lượng, đặc biệt đối với những lô hàng không được kiểm soát tốt về nhiệt độ, độ ẩm và điều kiện bảo quản. Trong khi đó, vận chuyển bằng đường hàng không giúp rút ngắn thời gian giao hàng nhưng chi phí logistics cao, làm giảm khả năng cạnh tranh về giá của sản phẩm.

Bên cạnh chi phí logistics, kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và đáp ứng yêu cầu kiểm dịch vẫn là một trong những thách thức lớn đối với thanh long Việt Nam. Danh mục hoạt chất, mức dư lượng tối đa cho phép và quy trình kiểm tra có thể khác nhau giữa các thị trường CPTPP. Ngoài yêu cầu pháp lý của nước nhập khẩu, nhiều nhà nhập khẩu và hệ thống phân phối còn đặt ra các tiêu chuẩn riêng về GlobalGAP, truy xuất nguồn gốc, kiểm nghiệm chất lượng, an toàn thực phẩm và trách nhiệm xã hội.

Do đó, thay vì chỉ tập trung vào việc đáp ứng yêu cầu tại khâu xuất khẩu, doanh nghiệp cần kiểm soát chất lượng ngay từ vùng trồng và quá trình sản xuất, đặc biệt là việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thời gian cách ly, thu hoạch, sơ chế và bảo

quản sau thu hoạch. Việc xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói đáp ứng yêu cầu của từng thị trường sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao khả năng thâm nhập CPTPP.

Triển vọng đối với mặt hàng dứa

Bên cạnh thanh long, dứa cũng là mặt hàng có tiềm năng lớn tại CPTPP. Đến hết tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu dứa của Việt Nam sang CPTPP đạt khoảng 11,2 triệu USD, trong đó Mêhicô là thị trường lớn nhất với khoảng 3,8 triệu USD, tiếp đến là Nhật Bản với khoảng 2,0 triệu USD.

Nhu cầu dứa trên thị trường thế giới được đánh giá còn nhiều dư địa tăng trưởng, trong khi dứa Việt Nam có lợi thế về chất lượng, chủng loại và khả năng phát triển các sản phẩm chế biến. Đặc biệt, các sản phẩm như nước dứa cô đặc, nước ép, dứa đông lạnh, dứa sấy và các sản phẩm chế biến sâu có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu của các thị trường phát triển, đồng thời giảm áp lực về thời gian bảo quản so với dứa tươi.

Một số doanh nghiệp Việt Nam đã xây dựng được năng lực chế biến và xuất khẩu dứa sang nhiều thị trường quốc tế. Việc khách hàng tại các thị trường như Nhật Bản chấp nhận mức giá cao đối với sản phẩm dứa chế biến có chất lượng tốt cho thấy khả năng cạnh tranh của dứa Việt Nam không chỉ nằm ở nguồn cung nguyên liệu mà còn ở chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm chế biến.

Tuy nhiên, việc mở rộng xuất khẩu dứa sang CPTPP cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn của từng thị trường. Đây là yếu tố quyết định khả năng chuyển lợi thế về sản xuất thành thị phần xuất khẩu thực tế.